

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 85 /QĐ-CĐCB ngày 13 tháng 02 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cao Bằng)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Cao đẳng Cao Bằng
- Mã trường: C06
- Địa chỉ các trụ sở:
 - Trụ sở chính: Số 037, Tổ dân phố Sông Hiến 1, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng
 - Cơ sở 1: Số 025, Tổ dân phố Đề Thám 1, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng
 - Cơ sở 2: Phố A, xã Hòa An, tỉnh Cao Bằng
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường:
Website: <https://truongcaodangcaobang.edu.vn/>
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường
Facebook: Trường Cao đẳng Cao Bằng
https://www.facebook.com/profile.php?id=61566485049642&locale=vi_VN
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (0206) 3 855123
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, từng nghề, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát năm 2025.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm
1. Đào tạo giáo viên Ngành: Giáo dục mầm non	Cao đẳng	20	24	28	78.0%
2. Giáo dục nghề nghiệp Ngành: Tiếng Trung Quốc	Cao đẳng	100	108	76	95.0%
Tổng:	Cao đẳng	120	132	104	84.8%

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin tuyển sinh chính quy của hai năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường:

<https://truongcaodangcaobang.edu.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=tuyen-sinh/thong-tin-ve-tuyen-sinh-chinh-quy-cua-2-nam-gan-nhat-691.html>

8.1. Phương thức tuyển sinh của hai năm gần nhất: Xét tuyển

8.2. Điểm trúng tuyển của hai năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ngành đào tạo	Phương thức xét tuyển	Năm 2024			Năm 2025		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Lĩnh vực đào tạo giáo viên Ngành: Giáo dục mầm non	Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 (Mã phương thức: 200)	100	76	21,7	20	24	26,3
	Tổ hợp 1: B03			02			02	
	Tổ hợp 2: C00			69			19	
	Tổ hợp 3: C04			03			01	
	Tổ hợp 4: D10			02			02	
2	Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp Ngành: Tiếng Trung Quốc	Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 (Mã phương thức: 200)	100	107	20,4	100	108	21,8
	Tổ hợp 1: D01			03			02	
	Tổ hợp 2: D09			0			31	
	Tổ hợp 3: D10			0			21	
	Tổ hợp 4: D15			18			23	
	Tổ hợp 5: D66			87			31	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục được phép đào tạo:

<https://truongcaodangcaobang.edu.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=tuyen-sinh/thong-tin-danh-muc-nganh-duoc-phep-dao-tao-692.html>

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng:

<https://truongcaodangcaobang.edu.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=tuyen-sinh/dieu-kien-dam-bao-chat-luong-693.html>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh:

<https://truongcaodangcaobang.edu.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh-694.html>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh:

<https://truongcaodangcaobang.edu.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=tuyen-sinh/quy-che-tuyen-sinh-695.html>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1. Đối tượng dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam.
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại **Mục 5, Phần II** của Đề án này;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ xét tuyển theo quy định.

2. Phạm vi tuyển sinh:

- Ngành Giáo dục mầm non: Chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu tại Cao Bằng.
- Ngành Tiếng trung Quốc: Tuyển sinh trên toàn quốc.

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 (Mã phương thức xét tuyển: 200)

3.1. Đối với ngành Giáo dục mầm non

- Thí sinh phải có Học lực và Hạnh kiểm cả năm lớp 12 xếp loại khá trở lên.
- Thí sinh sử dụng một trong các tổ hợp **B03, C04, D01, D10** để đăng ký xét tuyển.
- Điểm xét tuyển được tính như sau:

Điểm xét tuyển = (Tổng điểm 3 môn của 2 học kỳ lớp 12)/2 + Điểm ưu tiên
(Được làm tròn đến hai chữ số thập phân)

3.2. Đối với ngành Tiếng Trung Quốc

- Thí sinh phải có Học lực cả năm lớp 12 xếp loại trung bình trở lên.
- Thí sinh sử dụng một trong các tổ hợp **D01, D13, D14, D15** để đăng ký xét tuyển.
- Điểm xét tuyển được tính như sau:

Điểm xét tuyển = (Tổng điểm 3 môn của 2 học kỳ lớp 12)/2 + Điểm ưu tiên
(Được làm tròn đến hai chữ số thập phân)

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện theo Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của cấp trên.

5. Ngưỡng đầu vào

5.1 Đối với ngành Giáo dục mầm non:

- Hạnh kiểm lớp 12 xếp loại đạt từ khá trở lên.
- Học lực lớp 12 xếp loại đạt từ khá trở lên.
- Điểm trung bình của 3 môn xét tuyển không thấp hơn 6,5.

5.2 Đối với ngành Tiếng Trung Quốc:

- Hạnh kiểm lớp 12 xếp loại đạt từ trung bình trở lên.
- Học lực lớp 12 xếp loại đạt từ trung bình trở lên.

6. Các quy định xét tuyển

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển thực hiện theo Kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Chính sách ưu tiên

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Học phí dự kiến

- Ngành Giáo dục mầm non: Miễn học phí
- Ngành Tiếng Trung Quốc: 16.000.000đ/năm học

11. Thời gian tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt 1: Từ tháng 5 đến tháng 8/2026
- Các đợt tiếp theo (nếu còn chỉ tiêu): Từ tháng 9 đến tháng 12/2026

12. Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

Hiệu trưởng tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh theo đúng quy định.

Trình tự, thủ tục tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) xét tuyển vào Trường không được tham gia công tác tranh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong năm đó.

13. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo

(1) Công ty TNHH Luxshare-ICT

Địa chỉ: Lô CNSG-01, CNSG-03, CNSG-05, CNSG-08, HCDV2, Khu công nghiệp Vân Trung, Phường Nénh, Bắc Ninh.

Mã số thuế: 2400870957

(2) Công ty TNHH Thương mại và Điện tử TMT

Địa chỉ: NR-Đỗ Đức Quân, Khu Xuân Đồng, Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh.

Mã số thuế: 2300873760

(3) Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Goertek Vina

Địa chỉ: Lô N-1, KCN Quế Võ (Khu mở rộng), Phường Nam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Mã số thuế: 2301081197

14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 52.296.867.443 VNĐ

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 32.000.000 VNĐ./.

Cao Bằng, ngày 13 tháng 02 năm 2026

Cán bộ kê khai:

Ths Lê Thanh Tường

Điện thoại: 0912663454

Email: letuongsp@gmail.com

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



Đinh Ngọc Lượng